

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 135/2024/DS-PT

Ngày: 31-7-2024

V/v: Tranh chấp nghĩa vụ trả
tiền.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn; ông Phạm Thái Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mai – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân
tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh, Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình
Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2024/TLPT-DS
ngày 18/6/2024, về việc: “*Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024
của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 145/2024/QĐ-PT ngày
04/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐ-PT ngày 22/7/2024,
giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số B,
đường số B, tổ E, thôn I, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Minh N, sinh năm 1970; Địa chỉ: Đường số C, tổ
F, thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Ngô Quang D, sinh năm
1970; Địa chỉ: Đường số C, tổ F, thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị Minh N, là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt bà N, bà T; vắng mặt ông D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, trình bày:

Bà buôn bán cám chăn nuôi gia súc từ năm 2017. Vợ chồng bà Hoàng Thị Minh N và ông Ngô Quang D có mua cám của bà để chăn nuôi heo, tiền cám sẽ được bà N thanh toán sau mỗi đợt xuất heo. Quá trình mua bán, bà tự ghi số lượng bao cám và giá từng bao cám vào sổ của bà để theo dõi và sau mỗi lần chốt nợ bà sẽ cho bà N ký xác nhận.

Sau khi chốt sổ thì bà N còn nợ bà tiền cám cũ là 93.078.000 đồng và nợ cám mới là 38.846.000 đồng. Đến ngày 12/3/2018 bà cộng cả nợ mới và nợ cũ là 131.924.000 đồng. Sau đó bà N có trả tiền nhiều lần, đến ngày 09/12/2022 bà N còn nợ bà số tiền 91.924.000 đồng, việc này được bà N ký xác nhận. Từ đó đến nay, bà N không trả thêm bất kỳ khoản tiền nào. Bà có yêu cầu bà N nhiều lần nhưng bà N hứa hẹn và không chịu trả.

Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Hoàng Thị Minh N và ông Ngô Quang D phải trả cho bà số tiền nợ cám gốc là 91.924.000 đồng và tiền nợ lãi 9.868.000 đồng, mức lãi suất 0.83%/ tháng, thời hạn tính lãi là 12 tháng 06 ngày (từ ngày 09/12/2022 đến ngày 28/12/2023). Tổng số tiền bà N, ông D phải trả cho bà là 101.792.000 đồng.

Bị đơn bà Hoàng Thị Minh N trình bày:

Bà và ông Ngô Quang D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trước đây, vợ chồng bà có mua cám của bà Nguyễn Thị Thu T để chăn nuôi heo phát triển kinh tế gia đình, bà mua theo hình thức khi chở cám bà T ghi sổ, khi nào bà xuất mỗi đợt heo sẽ chốt nợ và trả tiền. Bà có chốt lại số tiền nợ cám là 93.078.000 đồng là nợ cũ trong sổ của bà T, còn nợ mới số tiền 38.846.000 đồng là không đúng vì lúc đó con bà có đến nhà bà T chở 06 bao cám nhưng không đến số tiền 38.864.000 đồng, bà thừa nhận 06 bao cám mới này bà chưa thanh toán.

Sau khi chốt nợ số tiền 93.078.000 đồng thì bà có trả cho bà T nhiều lần với số tiền 35.000.000 đồng. Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện nay, bà chỉ còn nợ bà T số tiền 58.078.000 đồng và tiền 06 bao cám, bà không đồng ý trả lãi vì bà T đã lấy tiền lời trên từng bao cám.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quang D: Ông D không có lời khai và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DSST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 280, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Hoàng Thị Minh N và ông Ngô Quang D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 104.538.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 91.924.000 đồng và tiền nợ lãi là 12.614.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về tiền lãi chậm trả, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/5/2024, bà Hoàng Thị Minh N làm đơn kháng cáo đối với bản án số 33/2024/DS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, bà chỉ đồng ý trả số tiền 58.078.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi và xin được trả nợ theo từng tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Hoàng Thị Minh N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận sau khi phân tích, đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ của vụ án và phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước khi nghị án, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bản án có căn cứ pháp luật. Do đó, kháng cáo của bà Hoàng Thị Minh N là không có căn cứ, đề nghị bác kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên tranh luận và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy bà Hoàng Thị Minh N kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết đúng quy định tại khoản 2, 3, 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị Minh N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, vợ chồng bị đơn có mua cám của nguyên đơn để chăn nuôi heo, tiền cám sẽ được bị đơn thanh toán sau mỗi đợt xuất heo. Quá trình mua bán, nguyên đơn tự ghi số lượng bao cám và giá từng bao cám vào sổ của nguyên đơn để theo dõi và sau mỗi lần chốt nợ bị đơn sẽ ký xác nhận. Bị đơn có chốt lại số tiền nợ cũ với nguyên đơn là 93.078.000 đồng.

Bị đơn không thừa nhận khoản nợ cám mới với số tiền 38.846.000 đồng, bà N chỉ thừa nhận sau khi chốt nợ cũ thì bà có mua thêm đợt cám mới nhưng chỉ mua 06 bao và không đến số tiền 38.846.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là tờ giấy ô ly (trong cuốn sổ do nguyên đơn giao nộp) giữa nguyên đơn và bị đơn chốt nợ với nhau, trong đó có nội dung: Cám mới: 38.846.000 đồng; Nợ cũ: 93.078.000 đồng; 05 lần trả 25.000.000 đồng, còn lại 106.924.000 đồng. Ngày 08/11 trả 5.000.000 đồng, còn nợ lại 101.924.000 đồng. Khi chốt nợ thì bị đơn có ký xác nhận.

Ngày 07/8/2020 trả 3.000.000 đồng; Ngày 01/2/2021 trả 5.000.000 đồng.

Hai dòng cuối cùng của trang thứ 2 thể hiện: Ngày 01/02/2021, Nhượng nợ lại 93.924.000 đồng; Ngày 09/12/2022 trả 2.000.000 đồng, còn lại 91.924.000 đồng.

Tất cả các lần trả nợ trên, bị đơn đều ký tên xác nhận phía dưới. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn thừa nhận tất cả chữ ký tại tờ giấy ô ly mà nguyên đơn cung cấp đều là chữ ký của bị đơn.

Như vậy, sau khi trả nợ lần cuối cùng thì tổng số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên là 91.924.000 đồng. Tòa cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 91.924.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Theo quy định tại Điều 280 Bộ Luật dân sự thì:

Khoản 1: “Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận”;

Khoản 2: “*Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường*

hợp có thỏa thuận khác”.

Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự thì: Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: *Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

Do các bên không thỏa thuận lãi suất, nên lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về số tiền chậm trả tính từ ngày 09/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

Bị đơn bà Hoàng Thị Minh N kháng cáo nhưng không chứng minh được và không cung cấp được chứng cứ mới để xem xét.

Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử vụ án đã đánh giá đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, nhận định khách quan và tuyên bản án có căn cứ pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Minh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận là đúng pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hoàng Thị Minh N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Minh N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

1/ Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Hoàng Thị Minh N và ông Ngô Quang D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 104.538.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 91.924.000 đồng và tiền nợ lãi là 12.614.000 đồng.

Kể từ ngày 26/4/2024 (Ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến

khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Minh N và ông Ngô Quang D phải chịu 5.226.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0004501 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2024)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu